

BAOVIET Bank

NGÂN HÀNG BẢO VIỆT



Bancassurance
Sản phẩm liên kết Ngân hàng và Bảo hiểm

Ứng dụng thông minh

BAOVIET Bank

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Annual Report
2009

Banking
Ngân hàng điện tử

Message 0058
BAOVIETBANK SMS:
TK 001 1061818 168 đã thay đổi
+ 6.000.000 VND
duy hiện tại là:
VND

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**
Annual Report
2009

MỤC LỤC
CONTENTS

- 4 **Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi**
Vision, mission and core values
- 6 **Thông điệp của Chủ tịch HĐQT**
Message of the Board of Directors Chairperson
- 8 **Báo cáo của Tổng giám đốc**
Chief Executive Officer's Report
- 10 **Giới thiệu về các cổ đông góp vốn**
Introduction of shareholders
- 14 **Cơ cấu quản trị Ngân hàng Bảo Việt**
BAOVIET Bank's management structure
- 16 **Mô hình tổ chức**
Organisational Structure
- 17 **Một số kết quả kinh doanh chủ yếu**
Key financial results
- 18 **Ngân hàng Doanh nghiệp**
Commercial banking
- 20 **Ngân hàng Bán lẻ**
Retail banking
- 22 **Kinh doanh tiền tệ. Quản trị rủi ro**
Treasury. Risk management
- 24 **Công nghệ thông tin. Tác nghiệp tập trung**
Information Technology. Centralised operations
- 26 **Sự kiện tiêu biểu trong năm**
Prominent events in the year
- 30 **Mạng lưới hoạt động**
Operation network
- 32 **Báo cáo tài chính kiểm toán**
Independent auditors' report
- 44 **Thuyết minh các báo cáo tài chính**
Notes to the financial statements



Được thành lập theo giấy phép hoạt động số 328/GP-NHNN, ngày 11/12/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank) đã chính thức trở thành thành viên trẻ nhất của tập đoàn Bảo Việt cũng như hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Sự ra đời của BAOVIET Bank góp phần hình thành thể chế kiềm vững chắc giữa Bảo hiểm - Chứng khoán - Ngân hàng, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đảm bảo cho sự phát triển bền vững toàn diện cho toàn hệ thống Bảo Việt.

Established under the operation licence No. 328/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on December 11, 2009, BAOVIET Bank officially became the youngest member of the Bao Viet Group and Vietnam's commercial banking system. BAOVIET Bank's inception has contributed to shaping a firm three-pillar formation of insurance, securities, and banking, thus creating an aggregate strength to ensure the sustainable and comprehensive development for the entire Bao Viet system.

Tầm nhìn *Vision*

Xác định tầm nhìn 2015 là "trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu về chủng loại sản phẩm và chất lượng dịch vụ".

BAOVIET Bank's vision toward 2015 is "to become a retail bank leading in product categories and service quality".

Sứ mệnh *Mission*

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, để cao tính chuẩn mực trong quản trị điều hành và hoạt động, đảm bảo mức độ cao nhất về chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng thông qua đó tạo giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, lợi ích dài hạn cho nhân viên và thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

The bank's mission is to develop the bank into a modern one, which underscores standardizations in governance, execution and operation to ensure that the top-quality services are in place and clients' satisfaction is met, thus creating a source of sustainable added value for its shareholders, generating long-term benefits for its staffers and at the same time fulfilling obligations to society and the community.

Core Value

Giá trị cốt lõi

- **Chuẩn mực toàn diện:** BAOVIET Bank hướng tới những chuẩn mực để xây dựng một ngân hàng hiện đại, đó là chuẩn mực về mô hình tổ chức, mô thức quản trị, chuẩn mực về công nghệ, chuẩn mực về dịch vụ ngân hàng, và chuẩn mực về môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- **Sáng tạo không ngừng:** BAOVIET Bank coi sáng tạo là chìa khóa của thành công trong môi trường kinh doanh ngân hàng đầy cạnh tranh và biến động. Là một ngân hàng mới đi vào hoạt động, yếu tố "sáng tạo", sự năng động sẽ giúp BAOVIET Bank tạo ra những bước tiến cần thiết trong quá trình phát triển của mình, đảm bảo cạnh tranh hiệu quả.
- **Hiệu quả bền vững:** BAOVIET Bank ưu tiên cho các nỗ lực, những đóng góp thiết thực để tạo ra hiệu quả bền vững. Ngoài việc đặt ra những mục tiêu hiệu quả mang tính áp lực cao cho hoạt động kinh doanh của mình, BAOVIET Bank thực sự coi trọng việc đánh giá đúng rủi ro và xây dựng nguồn lực, năng lực cần thiết cho việc duy trì hiệu quả bền vững cho nhiều năm tiếp theo.
- **Đồng lòng chia sẻ:** BAOVIET Bank đề cao tính hợp tác, sự đồng lòng, ý thức xây dựng niềm tin trong các mối quan hệ nội bộ cũng như các giao dịch với đối tác khác nhau. BAOVIET Bank tin tưởng vào sự thành công của một tập thể có năng lực và biết hợp tác, chia sẻ; Kết quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào khả năng am hiểu các đối tác, bạn hàng, từ đó có thể cùng đưa các giải pháp phù hợp, tạo lập trên cơ sở sự tin tưởng giữa các bên.

Hoạt động với phương châm "Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền", Ban lãnh đạo cùng tập thể đội ngũ nhân viên của BAOVIET Bank cam kết cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng với chất lượng tốt nhất trong từng khâu phục vụ dựa trên nền tảng công nghệ quản trị ngân hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đối tác, cổ đông và toàn xã hội.

- **Comprehensive standards:** BAOVIET Bank looks forward to applying standards in order to become a modern bank, including standards on organizational model, corporate governance, technology, banking services, and professional working environment.
- **Non-boundary creativity:** BAOVIET Bank regards creativity a key to successes in a fiercely competitive and swinging banking environment. Emerged as a new bank, BAOVIET Bank hopes that creativity and dynamism will help it make necessary moves in its development course and join competition effectively.
- **Sustainable efficiency:** BAOVIET Bank prioritizes endeavors and practical contributions that help achieve sustainable effectiveness. Apart from setting forth the goals that will bring both effectiveness and high pressure for its business operation, BAOVIET Bank really places importance on correct assessment of risks, resource development and capacity building to maintain the sustainable efficiency for the following years.
- **Unanimity and sharing:** BAOVIET Bank underscores cooperation, consensus, and a consciousness of building confidence in internal relationships as well as in transactions with various partners. BAOVIET Bank has a belief that a success will be made by a qualified, constructive and sharing collective. That business outcome depends largely on an ability of understanding partners and customers, the bank believes that it and partners can work together to make appropriate solutions based on a mutual trust.

Operating under the slogan "your trust, our commitment", BAOVIET Bank's leadership and staff commit themselves to providing their clients with international standard banking products and services of the best quality so that to bring the utmost benefits for its clients, partners, shareholders, and society.





Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm

Thạc sỹ Kinh tế
Chủ tịch Hội đồng quản trị BAOVIET BANK
MA in Economics. BOD Chairperson

Năm 2009 khép lại với những biến động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu đã phần nào ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP 5,32%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm tăng 6,88%, cán cân thanh toán Quốc tế của Việt Nam bị suy giảm nghiêm trọng, kim ngạch xuất khẩu vốn, vốn đầu tư FDI sụt giảm làm cho thị trường ngoại hối trong nước bị mất cân đối cung cầu mạnh dẫn tới tỷ giá biến động lớn. Hoạt động của nền kinh tế nói chung và của ngành Ngân hàng trong năm 2009 nói riêng gặp những thách thức không nhỏ.

Được cấp phép thành lập và hoạt động ngày 11/12/2008, Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank) trở thành Ngân hàng trẻ nhất trong hệ thống hiện nay. Trong năm đầu tiên hoạt động, BAOVIET Bank đã nỗ lực hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh, đánh dấu và ghi nhận những sự chuyển biến lớn trong quá trình thành lập và phát triển. Một mặt, BAOVIET Bank vừa tập trung phát triển hoạt động kinh doanh; vừa xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng nhân sự, xây dựng hệ thống văn bản định chế cho hoạt động của Ngân hàng, một mặt vừa đối diện với những diễn biến thất thường của thị trường tài chính tiền tệ. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo BAOVIET Bank đã cố gắng chèo lái và có định hướng kinh doanh phù hợp nhằm bước đầu củng cố được bộ máy tổ chức, đầu tư vận hành được hệ thống công nghệ, phát triển sản phẩm, triển khai thành công sản phẩm thẻ ATM để gia tăng tiện ích cho khách hàng, tạo tiền đề quan trọng để phát triển khách hàng cá nhân. Với tổng tài sản 7,270 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 2,255 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 76,5 tỷ đồng, BAOVIET Bank đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và dần khẳng định được vị thế nhất định

The year 2009 wrapped up with fluctuations of the global financial and economic crisis, which already caused sizable effects on economic development in many countries around the world, including Vietnam. In that circumstance, Vietnam registered a GDP growth rate of just 5.32 percent while its consumer price index (CPI) rose 6.88 percent. The country's international payment balance plunged seriously. Also, a decline was spotted in export earnings and FDI capital, causing an imbalance between supply and demand in the local foreign exchange market, and leading to big fluctuations in the exchange rate. The national economy in general and the banking sector in particular met with considerable challenges in their operation in the year.

Receiving a licence authorising its establishment and operation on December 11, 2008, BAOVIET Bank currently is the youngest bank in Vietnam's banking system. In its first year of operation, BAOVIET Bank has spared no effort to well accomplish its set goals with major changes recognised in its founding and growing process. On the one hand, BAOVIET Bank has focused on developing its business activities, setting up its organisational structure, employing staffers, and making a system of documents and institutional tools to mandate its operation. On the other hand, the bank has also dealt with abnormal developments in the financial-monetary market. However, BAOVIET Bank's leadership has made great efforts to orchestrate the bank's operation and worked out suitable business orientations, aiming to initially strengthen its new apparatus, invest and run the technological system smoothly, develop products, and issue ATM cards successfully to bring convenience and benefits for the bank's clients, and create an important

trên thị trường ngân hàng Việt Nam.

Bước sang năm 2010, BAOVIET Bank cùng với những nỗ lực chung của Tập đoàn Bảo Việt với phương châm "Niềm tin vững chắc, Cam kết vững bền" sẽ nỗ lực kiện toàn cơ cấu tổ chức, quyết tâm đẩy nhanh tăng trưởng qui mô hoạt động, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, phát triển các sản phẩm bản lẻ dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại để gia tăng năng lực phát triển, tận dụng lợi thế mạng lưới của Tập đoàn Bảo Việt để nhanh chóng mở rộng mạng lưới tới các địa bàn kinh tế trọng điểm. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng và tăng cường năng lực quản trị rủi ro trong quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng theo thông lệ quốc tế.

Năm 2010 là một năm quan trọng với BAOVIET Bank để đẩy mạnh phát triển mạng lưới các chi nhánh trên cả nước, đồng thời mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước khẳng định vị trí của mình trên thị trường. Dự kiến BAOVIET Bank sẽ tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, và tập trung đầu tư đổi mới về quản trị, tăng cường thu hút nhân lực kinh nghiệm quốc tế trong phát triển mảng khai thác và phát triển kênh phân phối.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, lời cảm ơn chân thành nhất tới các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng đã song hành cùng BAOVIET Bank trong suốt thời gian qua. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên BAOVIET Bank sẽ không ngừng học hỏi, đoàn kết sáng tạo, quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh để gia tăng giá trị cho Cổ đông và mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và hợp tác của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng cùng với Quý cơ quan quản lý Nhà nước trong thời gian tới.

imperative to increase the number of individual clients. With total assets worth 7,270 billion VND, total loans hitting 2,255 billion VND, a profit before tax of 76.5 billion VND, BAOVIET Bank has fulfilled all its set targets and step by step secured its position in Vietnam's banking market.

Entering the year 2010, together with the Bao Viet Group's concerted efforts, BAOVIET Bank will continue to uphold the motto "your trust, our commitment" to make greater efforts to reinforce its organisational structure. The bank is full of determination to speed up the expansion of operation scope, continue to invest heavily in the development of human resources and cutting-edge IT-based retail products to enhance its development capacity, and take the advantage of the Bao Viet Group's network to quicken the expansion of its network in key economic locations. Also, at the same time, it will study, apply and enhance risk management capacity in managing and executing its operations in line with international norms.

The year 2010 is important for BAOVIET Bank to accelerate its expansion of network and branches nationwide, broaden and raise the quality of its services to step by step confirm its position in the market. The bank plans to increase its charter capital to 3 trillion VND and concentrate on renewing management methods and employing more human resources who have international experiences to serve the bank's goal of developing and exploiting distribution channels.

On behalf of the Board of Directors, I would like to extend my regards and the most sincere thank to the shareholders and customers who have stood side by side with BAOVIET Bank in the recent past. The Board of Directors, the Management Board, and the whole staff of BAOVIET Bank will unite, be creative, and resolute to work for more benefits for the shareholders. We wish to continue to get trust, support and cooperation from you - shareholders, customers and the State management agencies in the coming time.

Nguyễn Thị Phúc Lâm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Board of Directors Chairwoman



Ông Phan Đào Vũ

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Tổng Giám đốc BAOVIET BANK
MBA . CEO

Hệ thống ngân hàng Việt nam đã có một thời gian dài phát triển, đến nay cả nước đã có trên 40 ngân hàng Việt nam, gần 50 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và hàng chục tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Ra đời trong hoàn cảnh đó, BAOVIET Bank đã xác định chiến lược hoạt động với việc tập trung tạo dựng một nền tảng vững chắc ngay từ đầu để nhanh chóng tăng qui mô hoạt động, mở rộng thị phần để sớm có được vị thế vững vàng trong hệ thống ngân hàng Việt nam.

Với định hướng phát triển thành ngân hàng bán lẻ, BAOVIET Bank đã đặt ra kế hoạch tập trung đầu tư vào công nghệ, nhanh chóng phát triển mạng lưới và các kênh phân phối hiện đại, phát triển danh mục sản phẩm, dịch vụ đa dạng cho mọi đối tượng khách hàng, trong đó đặc biệt chú ý đến các sản phẩm ngân hàng bán lẻ. Tuy nhiên, trong những năm đầu, BAOVIET Bank ưu tiên hướng đến đối tượng khách hàng là doanh nghiệp lớn để tạo sự phát triển nhanh chóng về qui mô song song với việc bắt đầu xây dựng nền tảng khách hàng cá nhân.

Bắt đầu hoạt động trong sự khó khăn của nền kinh tế đất nước trong bối cảnh khủng hoảng và suy thoái toàn cầu, nhưng BAOVIET Bank đã tự tin, thực hiện các bước đi vững chắc để đạt được các kết quả khả quan ngay trong năm đầu hoạt động. Sự khởi đầu thành công sẽ tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc của BAOVIET Bank dựa vào những nhân tố thành công cơ bản sau đây :

Mô hình tổ chức tiên tiến hướng tới thông lệ quốc tế, theo đó ngân hàng được tổ chức và vận hành theo nguyên tắc quản lý tập trung cao, bộ máy của ngân hàng sẽ được cấu trúc hợp lý bảo đảm sự tách bạch giữa các chức năng "phát triển kinh doanh" – "quản lý rủi ro và phê duyệt" – và "tác

Vietnam's banking system has been developing robustly in the recent time, presently consisting of 40 local banks, nearly 50 foreign banks and branches of foreign banks, joint venture banks and dozens of non-banking credit organizations. Born in that context, BAOVIET Bank has formulated an operation strategy that seeks to establish a financially-sound foundation to quickly scale up its scope of operation and seize more market shares so that to secure a firm position in the Vietnamese banking system.

Orienting to become a retail bank, BAOVIET Bank has set out a plan that will concentrate on investing in technologies to enable it to rapidly develop a network of modern distribution channels and offer diverse products and services, especially retail banking products, to clients of all kinds. However, in the first years of its operation, the bank will give its priority to clients, which are large businesses, for quickly expanding its operation scope in parallel with starting to lay a foundation to serve individual clients.

Beginning to operate amidst the national economy's difficulties stricken by the global economic crisis and recession, BAOVIET Bank showed its confidence in making well-grounded moves to reap optimistic outcomes right in the first year of operation. A successful start will create an impetus for BAOVIET Bank to gain strong and firm developments in the future that will be based on the following basic successful elements:

A modern operational model adhering to international norms – accordingly, the bank will be organised and operating in a highly-centralized management principle. The bank's apparatus will be structured to operate in a manner that ensures that its functions of "revenues generation (front office)", "risk management and supervision (middle office)"

ngiệp". Mô hình này được kiến tạo ngay từ trước khi ngân hàng đi vào hoạt động và chắc sẽ hỗ trợ cho ngân hàng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng đồng thời kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả bảo đảm cho sự phát triển bền vững của ngân hàng.

Công nghệ ngân hàng hiện đại, bảo đảm vận hành thông suốt toàn hệ thống, đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung và giao dịch trực tuyến. Hệ thống công nghệ của BAOVIET Bank đã được chú ý phát triển ngay từ đầu với hệ thống core banking hiện đại và các giải pháp phù hợp hỗ trợ phát triển sản phẩm, phát triển các kênh giao tiếp điện tử, các kênh phân phối đa dạng và hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng.

Sản phẩm được phát triển đa dạng ngay từ đầu với sự kết hợp hài hòa giữa các sản phẩm truyền thống và các sản phẩm bán lẻ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng của mọi đối tượng khách hàng. BAOVIET Bank đặc biệt chú ý đến việc phát triển các sản phẩm ngân hàng điện tử (e-banking), các sản phẩm liên kết ngân hàng – bảo hiểm (bancassurance) trong chiến lược phát triển sản phẩm trước mắt và lâu dài.

Nguồn nhân lực được tuyển chọn kỹ lưỡng với kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng đáp ứng được các yêu cầu phát triển qui mô nhanh chóng và bảo đảm tính chuẩn mực và hiện đại hoạt động ngân hàng. BAOVIET Bank đã xây dựng hệ thống tuyển dụng và đào tạo phù hợp với một ngân hàng mới hướng tới chuẩn mực, xây dựng cơ chế đãi ngộ gắn với đánh giá hiệu quả, xây dựng văn hóa doanh nghiệp với yếu tố cốt lõi là tính chuẩn mực, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Với lợi thế là một thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, với định hướng chiến lược đúng đắn và bước khởi đầu thành công, với quyết tâm "một năm bằng mười năm", BAOVIET Bank chắc chắn sẽ đạt được những thành công vượt trên chặng đường phát triển trước mắt và lâu dài.

and "operations (back office)" operate independently. Already shaped before the bank started operating, this model will definitely assist the bank in speeding up its growth rate and at the same time managing risks efficiently for the bank's sustainable development .

Twenty-first-century banking technology, it will provide safeguards for the bank's system to help it run smoothly and meet requirements for centralized management and online transactions. BAOVIET Bank has given attention to developing a forward-looking core banking system and supportive solutions rightly in an early stage of operation. to back up the promotion of products and e-contact links, and a diversity of distribution channels, and also aid the improvement of its banking services.

Products – Right from the beginning, the bank has already put forward a wide range of products by combining harmoniously mainstream and retail products to meet clients' growing demands for both quality and quantity of the products they want. BAOVIET Bank has also paid special attention to developing e-banking and bancassurance products in its development strategies designed for both short and long terms.

Human resources – Undergoing a tough selection, the bank's human resources showed they are qualified in terms of knowledge, experience and skills and able to meet the bank's requirements of expanding its operation scope and ensuring standardization and modernization of its operation. BAOVIET Bank has developed a recruitment and training system that fits a new bank with standard-looking vision. It has also adopted a mechanism of preferential treatments with regard to work efficiency assessment and built up a corporate culture with standardization playing the core to help create a professionalised working environment.

Having an advantage of being a member of the Bao Viet Group, with a correct strategic orientation, a successful kickstart, and a determination to make "one year equal to a decade", BAOVIET Bank will surely win gains in its short and long term development roadmap.

Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc / CEO

Các cổ đông sáng lập của BAOVIET Bank bao gồm Tập đoàn Bảo Việt chiếm 52% vốn điều lệ, Tổng Công ty sữa Việt Nam (Vinamilk) chiếm 8%, Công ty Cổ phần Tập đoàn công nghệ CMC chiếm 9,9% cùng với một số cổ đông là các tổ chức có uy tín khác trong nước.

The founding shareholders of BAOVIET Bank are the Bao Viet Holdings, which holds 52 percent of the bank's charter capital, the Vietnam Milk Corporation (Vinamilk), which accounts for 8 percent of the bank's charter capital, the CMC Technology Group Joint Stock Company, which accounts for 9.9 percent of the bank's charter capital, and other shareholders who are prestigious entities in the country.



Bảo Việt là tập đoàn tài chính – bảo hiểm hàng đầu của Việt Nam. Với truyền thống là doanh nghiệp dẫn đầu nhiều năm trong lĩnh vực bảo hiểm, Bảo Việt đã phát triển kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực và chuyển sang mô hình tập đoàn từ tháng 11 năm 2005 theo quyết định số 310/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay của Tập đoàn Bảo Việt là bảo hiểm nhân thọ (với hơn 40 sản phẩm), bảo hiểm phi nhân thọ (với hơn 80 sản phẩm), tái bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, đầu tư tài chính, quản lý quỹ đầu tư, chứng khoán, ngân hàng và kinh doanh bất động sản.

Bao Viet Holdings is Vietnam's leading financial-insurance group. Leading others in the field of insurance for years, Bao Viet has embarked on multi-sectoral and multi-field business and changed its business line to operate in a group model since November 2005 in line with the Prime Minister's decision 310/2005/QĐ-TTg. The Bao Viet Holdings' main business lines are life insurance (with more than 40 products), non-life insurance (with over 80 products), and non-life reinsurance, financial investment, investment fund management, securities, banking and real estate.

Tập đoàn Bảo Việt có 03 công ty con sở hữu 100% vốn là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt. Các công ty con khác do Tập đoàn chiếm sở hữu chi phối bao gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt và Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc. Tập đoàn cũng có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Trung tâm Đào tạo Bảo Việt và Ban quản lý các Dự án đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt.

The Bao Viet Holdings owns 100 percent capital in three subsidiary companies, namely the Bao Viet Insurance Corporation, the Bao Viet Life Insurance Corporation, and the Bao Viet Fund Management Co. Ltd. It holds the dominant capital rate in other subsidiaries, including the Bao Viet Securities Joint Stock Company, the Bao Viet Commercial Joint Stock Company, the Bao Viet Investment Joint Stock Company and the Bao Viet-Au Lac Co. Ltd. The Holdings also has two dependently-accounting units - the Bao Viet Training Centre and the Bao Viet Major Construction Project Management Unit.

Tập đoàn Bảo Việt được cổ phần hóa từ tháng 5 năm 2007 theo chương trình cổ phần hóa của Nhà nước và niêm yết trên thị trường chứng khoán tháng 6 năm 2009. Đến 31.12.2009, vốn điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt là 5,730 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 77% và đối tác chiến lược là Tập đoàn HSBC Insurance chiếm 18%; tổng tài sản là 10,368 tỷ đồng; doanh thu là 900 tỷ đồng; và lợi nhuận sau thuế là 801 tỷ đồng.

The Bao Viet Holdings underwent equitisation in May 2007 under the State's equitisation programme and listed its shares on the stock market in June, 2009. By December 31, 2009, the Holdings' charter capital was 5.730 billion VND, of which the State capital accounted for 77 percent and the HSBC Insurance, 18 percent. Its total assets were worth 10.368 billion VND, a revenue, 900 billion VND and a profit after tax, 801 billion VND.

Cổ phiếu của Tập đoàn Bảo Việt hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là BVH.

The Bao Viet Holdings' share is currently listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) under the code name BVH.



Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng Bộ Tài Chính Vũ Văn Ninh, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Trần Minh Tuấn và lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, BAOVIET Bank tại Lễ ra mắt BAOVIET Bank
Deputy Prime Minister Nguyen Sinh Hung, Finance Minister Vu Van Ninh, State Bank Vice Governor Tran Minh Tuan and BAOVIET leaders at the inauguration ceremony of BAOVIET Bank.



Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Hữu Chí và đại diện Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại Lễ ra mắt thương hiệu mới của tập đoàn Bảo Việt.
Deputy Finance Minister Nguyen Huu Chi and BAOVIET Holdings' Board Members at the inauguration ceremony of BAOVIET Holdings' new logo.



VINAMILK

Công ty Cổ phần Sữa Việt nam (Vinamilk)

Vinamilk là doanh nghiệp hàng đầu của Việt nam trong lĩnh vực kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa với thị phần vào khoảng 40% và tốc độ tăng trưởng doanh thu 20% mỗi năm. Ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là sữa và các sản phẩm từ sữa, trong vài năm gần đây, Vinamilk còn mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản và y tế. Hiện nay, Vinamilk đã chuyển sang mô hình quản lý tập đoàn với 11 nhà máy/xí nghiệp, 01 phòng khám, 04 công ty con, 01 công ty liên kết và 02 cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Vinamilk cũng đã được cổ phần hóa từ tháng 11 năm 2003 theo chương trình cổ phần hóa của nhà nước và niêm yết trên thị trường chứng khoán tháng 1 năm 2006. Đến 31.12.2009, vốn điều lệ của Vinamilk là 3,513 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 47.6% và vốn góp của các cổ đông nước ngoài là 42.9%; tổng tài sản là 8,531 tỷ đồng; doanh thu là 10,821 tỷ đồng; và lợi nhuận sau thuế là 2,376 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Vinamilk hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VNM.

Vietnam Milk Joint Stock Company (Vinamilk)

Vinamilk is Vietnam's leading enterprise in milk and dairy products, holding 40 percent of the market share and posting a revenue growth rate of 20 percent a year. Besides its major business lines in milk and milky products, Vinamilk has in recent years expanded its operation to real estate development and health care. At present, Vinamilk is operating as a group with 11 factories/mills, one medical clinic, four subsidiary companies, one integrated company and two co-managed business establishments.

Vinamilk was equitised in November 2003 under the State's equitisation programme and listed its shares on the bourse in January 2006. By December 31, 2009, Vinamilk's charter capital was 3.513 billion VND, of which 47.6 percent was contributed by the State and 42.9 percent was contributed by foreign shareholders. Vinamilk's total assets were worth 8.531 billion VND, and it had a revenue of 10.821 billion VND and a profit after tax of 2.376 billion VND.

Vinamilk's share is currently listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) under the code name VNM.



Công ty Cổ phần Tập đoàn công nghệ CMC

Trong nhiều năm liền kể từ năm 2002 đến nay, CMC luôn nằm trong danh sách 5 công ty công nghệ thông tin và viễn thông hàng đầu Việt Nam. CMC chuyển sang mô hình tập đoàn từ tháng 2 năm 2007 và hiện có 07 công ty con, 02 công ty liên doanh và 01 công ty liên kết, hoạt động trong các ngành như sản xuất máy tính, giải pháp phần mềm, tích hợp hệ thống, phân phối, dịch vụ viễn thông, an ninh thông tin... Sản phẩm và dịch vụ của CMC luôn là những thương hiệu uy tín nhất và được yêu thích nhất do các hiệp hội, tổ chức chuyên ngành uy tín và khách hàng bầu chọn.

Đến 31.12.2009, vốn điều lệ của CMC là 635 tỷ đồng; tổng tài sản là 2,166 tỷ đồng; doanh thu là 3,486 tỷ đồng; và lợi nhuận sau thuế là 123 tỷ đồng. CMC đã niêm yết trên thị trường chứng khoán từ tháng 1 năm 2010.

Cổ phiếu của CMC hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán CMG.

CMC Technology Group Joint Stock Company

Consecutively since 2002, CMC has always been in Vietnam's top five in IT and telecommunication. Converting into a group model in February 2007, Vinamilk currently possesses seven subsidiary companies, two joint venture companies, and one integrated company, involving in the production of computers, software solutions, integrated systems, distribution, telecommunication services, information security and others. CMC's products and services are proven to be most preferred by prestigious professional associations and organisations and clients.

By December 31, 2009, CMC's charter capital was 635 billion VND. It had a total asset value of 2.166 billion VND, a revenue of 3.486 billion VND, and a post-tax profit of 123 billion VND. CMC has listed its shares on the bourse since January 2010.

CMC's share is currently listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) under the code name CMG.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị BAOVIET Bank quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của ngân hàng. Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề tổ chức, bộ máy điều hành của toàn ngân hàng; đưa ra các quyết định về thành lập các đơn vị thuộc BAOVIET Bank; ban hành các quy chế về tổ chức, quản trị và hoạt động trong ngân hàng theo đúng điều lệ của BAOVIET Bank đã được Thống đốc NHNN chuẩn y theo quyết định số 3130/QĐ-NHNN ngày 16/12/2008.

BOARD OF DIRECTORS (BOD)

The Board of Directors of BAOVIET Bank decides the bank's strategy, medium-term development plans and annual plans. It endorses a spectrum of organisational and managing issues, determine the establishment of BAOVIET Bank's subsidiary units, and issues regulations on the bank's organisation, governance and operation in line with BAOVIET Bank's statute that was approved by the Governor of the State Bank of Vietnam in Decision 3130/QG-NHNN dated December 16, 2008.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của BAOVIET Bank hội tụ các thành viên được đào tạo căn bản trong và ngoài nước, từng đảm nhận những vị trí quan trọng tại các định chế tài chính có uy tín tại Việt Nam.

MANAGEMENT BOARD

BAOVIET Bank's Management Board gathers those who have been trained intensively inside and outside the country and used to hold key positions in prestigious financial institutions in Vietnam



Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thạc sỹ Kinh tế
BOD Chairperson
Nguyen Thi Phuc Lam
MA in Economics



Ông Trương Mộc Lâm
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Giáo sư, Tiến sỹ Khoa học
chuyên ngành Kinh tế
BOD Vice Chairman
Professor Trương Moc Lam
PhD in Economics



Ông Lê Trung Hưng
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Cử nhân Kinh tế
BOD Vice Chairman
Le Trung Hung
BA in Economics



Ông Tôn Quốc Bình
Ủy viên Hội đồng quản trị
Tiến sỹ Tin học
BOD member
Ton Quoc Binh
PhD in IT



Ông Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc
Cử nhân Kinh tế,
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Chief Executive Officer
Phan Dao Vu
BA in Economics and MBA



Ông Vũ Đức Nhuận
Giám đốc Khối Quản lý rủi ro
Cử nhân Kinh tế
Chief Risk Officer
Vu Duc Nhuan
BA in Economics



Ông Trần Xuân Quảng
Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp
Cử nhân Kinh tế,
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Chief Corporate Banking Officer
Tran Xuan Quang
BA in Economics and MBA



Bà Ngô Thị Thu Trang
Ủy viên Hội đồng quản trị
Thạc sỹ Kinh tế
BOD member
Ngo Thi Thu Trang
MA in Economics



Ông Dương Đức Chuyên
Ủy viên Hội đồng quản trị
Thạc sỹ Tài chính
BOD member
Duong Duc Chuyen
BA in Finance



Ông Nguyễn Đăng Diệm
Thành viên độc lập
Cử nhân Kinh tế Hàng hải
Independent member
Nguyen Dang Diem
BA in Maritime Economics



Ông Võ Văn Cường
Giám đốc Khối Tác nghiệp
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Thạc sỹ Kinh tế
Chief Operations Officer
Vo Van Cuong
MBA and MA in Economics



Ông Tôn Quốc Bình
Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
Tiến sỹ Tin học
Chief Information Officer
Ton Quoc Binh
PhD in IT



Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu
Giám đốc Khối Kinh doanh Tiền tệ
Cử nhân Kinh tế,
Thạc sỹ Ngân hàng Tài chính
Chief Treasury Officer
Nguyen Thi Nguyệt Thu
BA in Economics,
MA in Banking&Finance

BAN KIỂM SOÁT /SUPERVISORY BOARD



Ông Lê Thanh Sơn
Trưởng Ban Kiểm soát
Cử nhân Kinh tế
Head
Le Thanh Son
BA in Economics



Ông Trần Hoài Phương
Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát
Cử nhân Kinh tế
Full-time Member
Tran Hoai Phuong
BA in Economics



Bà Lê Anh Phương
Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát
Cử nhân Kinh tế
Full-time Member
Le Anh Phuong
BA in Economics



Bà Vũ Thực Quyên
Kế toán trưởng,
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán
Chief Accountant,
Vu Thuc Quyen
BA in Economics



Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Giám đốc Sở Giao dịch
Cử nhân Luật,
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Transaction Director
Nguyen Hong Tuan
BA in Law and MBA



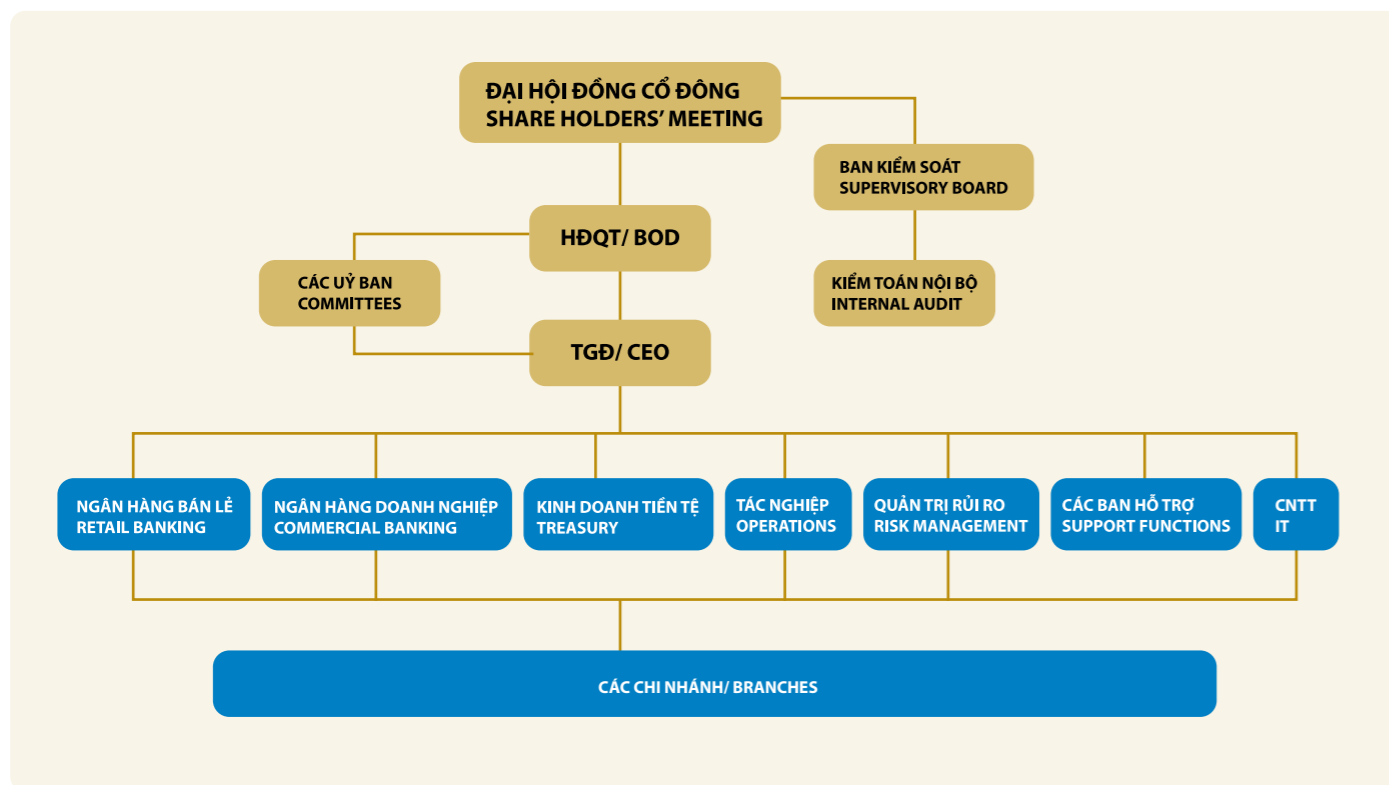
Ông Trương Văn Huỳnh
Giám đốc BAOVIET Bank Tp. HCM
Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
BAOVIET Bank
Ho Chi Minh Branch Director
Truong Van Huynh
BA in Economics and Law

Mô hình tổ chức có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển bền vững của một ngân hàng thương mại, bảo đảm các điều kiện thích hợp cho tăng trưởng và quản lý rủi ro. Ngay từ đầu BAOVIET Bank đã được tổ chức với một cấu trúc hiện đại theo những nguyên tắc cơ bản sau:

An organisational model can have an important effect on a commercial bank's sustainable development while also ensuring proper conditions are readied for its growth and risk management. Right from the beginning, BAOVIET Bank was organised in a present-day structure based on the following basic principles:

- Tách bạch chức năng "tạo doanh thu", "quản lý rủi ro" và tác nghiệp trong cơ cấu tổ chức;
- Quản lý tập trung về Hội sở chính, theo đó chi nhánh thực sự được coi là điểm bán hàng;
- Hội sở chính phải thực sự mạnh với bộ máy nhân sự đủ năng lực và cơ chế vận hành hiệu quả để phát huy được vai trò quản lý tập trung toàn hệ thống.

- Functions -- "revenue generation", "risk management" and operations run separately in the organisational structure;
- The Headquarters applies centralized management and branches are truly regarded as points of sales;
- The Headquarters must be strong with a qualified staff and an effective operating mechanism to maximise its centralised management over the entire system.



MỘT SỐ KẾT QUẢ KINH DOANH CHỦ YẾU / KEY FINANCIAL RESULTS

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Monetary unit: billion VND

STT No.	Một số chỉ tiêu chính Major targets	Thực hiện năm 2009 Implemented in 2009	Kế hoạch 2009 Plan 2009	% Thực hiện/KH Completion/pct
1	Tổng tài sản Total assets	7,270	5,000	147,46
2	Huy động các TCKT và Dân cư Deposits from corporates and individuals	3,514	2,152	163,29
3	Tiền gửi đi vay của các TCTD Deposits under lien by credit organizations	1,709	800	213,63
4	Cho vay các TCKT và dân cư Loans to corporates and individuals	2,256	1,500	150,40
5	Tiền gửi, cho vay các TCTD Deposits, loans by credit organizations	3,644	2,070	176,04
6	Lợi nhuận trước thuế Pre-tax profit	76,5	45,0	170
7	Lợi nhuận sau thuế Net profit	63,1	33,8	187

Chính sách phát triển

Hoạt động Ngân hàng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh doanh ngân hàng giai đoạn đầu. Để phát triển kinh doanh Ngân hàng doanh nghiệp, trong năm đầu hoạt động BAOVIET Bank chủ trương hướng tới các khách hàng là doanh nghiệp lớn và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp hàng đầu trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xuất nhập khẩu, khai thác các cơ hội hợp tác với các khách hàng là cổ đông để thực hiện các dịch vụ thanh toán, ngoại hối và bán chéo sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm liên kết ngân hàng – bảo hiểm..

Một số kết quả nổi bật

Trong năm hoạt động đầu tiên BAOVIET Bank đã phát triển và cung cấp đầy đủ các sản phẩm truyền thống cho các khách hàng doanh nghiệp như Huy động vốn, Thanh toán, Tài trợ vốn lưu động, Tài trợ thương mại, Tài trợ dự án, Bảo lãnh v.v.. BAOVIET Bank cũng đã và đang nghiên cứu, phát triển và triển khai các sản phẩm mới như Sinh lời tối ưu, Quản lý tài khoản tập trung, Bao thanh toán để tăng tiện ích cho các khách hàng doanh nghiệp.

Bên cạnh công tác bán hàng, công tác hỗ trợ kinh doanh cũng đóng vai trò rất quan trọng. Khối Ngân hàng doanh nghiệp đã kết hợp với Khối Quản lý rủi ro đưa ra những định hướng phát triển kinh doanh theo ngành nghề, chính sách lãi suất phù hợp với tình hình thị trường để tạo điều kiện cho việc triển khai tiếp cận các khách hàng.

Sau một năm hoạt động, BAOVIET Bank đã chủ động và phát huy tối đa những lợi thế riêng để thiết lập quan hệ đối tác với hầu hết các định chế tài chính trong nước và nhiều ngân hàng quốc tế.

Tổng quan về các chỉ tiêu kinh doanh năm 2009, Khối Ngân hàng doanh nghiệp đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Development policy

Commercial banking plays an important role in a bank's first-stage business development. To promote the development of commercial banking service, BAOVIET Bank has in its first year of operation planned to target clients which are big and medium-sized businesses, especially leading enterprises involved in the industrial sector, and import and export activities. It has set to tap opportunities to partner with those clients who are the bank's shareholders in performing payment services, foreign exchange activities, and cross-selling of products, particularly bancassurance.

Outstanding achievements

In its first year of operation, BAOVIET Bank has developed and provided all mainstream products to corporate clients, such as capital mobilization, payments, working capital funding, trade funding, project funding, and guarantee, etc. BAOVIET Bank has also been studying, developing and carrying out new products, such as optimal profit, account centralized management, and payment support so that to ring more convenience and benefit to corporate clients.

In addition to sales, business support also holds a crucial part. Accordingly, the Commercial Banking division has collaborated with the Risk Management division to outline orientations for the development of forward-sector and branch business line, offering appropriate interest rates that keep up with developments in the market in order to create conditions for the bank to gain access to its clients.

After one year of operation, BAOVIET Bank has raised the sense of initiative and maximized its own advantages to establish partnerships with almost all financial institutions inside the country and many international banks.

Reviewing its business targets in 2009, the Commercial Banking division achieved and even surpassed its set plan.

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Monetary unit: billion VND

STT No	Khoản mục Items	Kế hoạch 2009 Plan 2009	Thực hiện đến 31/12/2009 Implemented by Dec 31, 2009	Tỷ lệ hoàn thành Completion/pct
1	Huy động vốn Corporate Deposits	1,936	3,051	158%
2	Dư nợ Corporate Loans	1,325	2,027	153%
3	Doanh số thanh toán quốc tế International settlement turnover	500	514	103%
4	Doanh số thanh toán trong nước Local settlement turnover	-	1,784	





Chính sách phát triển

Phát triển Ngân hàng bán lẻ là một chiến lược xuyên suốt về lâu dài của BAOVIET Bank. Để có thể tiếp cận đến mọi đối tượng khách hàng cá nhân, BAOVIET Bank chủ trương phát triển nhanh chóng kênh bán hàng truyền thống là các chi nhánh trên các tỉnh thành cả nước kết hợp với hệ thống mạng lưới của Tập đoàn Bảo Việt. Đón đầu những xu thế nhu cầu mới về dịch vụ ngân hàng, BAOVIET Bank đồng thời chú trọng phát triển các kênh bán hàng hiện đại như Internet Banking, Mobile Banking, Call Centre.

Để trở thành “ngân hàng bán lẻ hàng đầu về chủng loại sản phẩm và chất lượng dịch vụ” đến năm 2015, BAOVIET Bank đưa ra chiến lược phát triển sản phẩm mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Ngân hàng chú trọng đầu tư vào công nghệ ngay từ đầu để trực tiếp cho ra đời các sản phẩm ngân hàng bán lẻ gắn với công nghệ cao, đồng thời để thực hiện tác nghiệp hỗ trợ triển khai sản phẩm, hỗ trợ bán hàng và phát triển các kênh phân phối khác nhau.

Một số kết quả nổi bật

Sau hơn một năm hoạt động, BAOVIET Bank đã giới thiệu ra thị trường chuỗi các sản phẩm ngân hàng bán lẻ truyền thống và hiện đại đa dạng được khách hàng đón nhận. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm:

- Tiền gửi thanh toán
- Tiết kiệm: có kỳ hạn, không kỳ hạn, đa kỳ linh hoạt, lãi suất lũy tiến
- Tín dụng tiêu dùng với hàng chục sản phẩm phù hợp bởi nhu cầu thực tế trên thị trường
- Sản phẩm thẻ: thẻ ghi nợ BVLINK và Thẻ trả trước BVPurse
- Sản phẩm Liên kết ngân hàng – bảo hiểm (Bancassurance)
- Sản phẩm Ngân hàng điện tử (E-banking)

BAOVIET Bank chú ý tới việc đa dạng hóa sản phẩm ngân hàng

Development policy

Developing retail banking is BAOVIET Bank’s long-term thorough strategy. In order to have access to all individual clients, BAOVIET Bank has set to quickly expand traditional sale channels, which are branches scattered across the country, in collaboration with the Bao Viet Group’s network. Heralding new trends and new needs for banking services, BAOVIET Bank has also given attention to developing modern sale channels, including Internet Banking, Mobile Banking and Call Centre.

To become “a leading retail bank in terms of product categories and service quality” by 2015 as envisaged, BAOVIET Bank has embarked on a sound product development strategy to meet the market’s growing demands for product diversity. The bank has concentrated on investing in advanced technologies right at the beginning to support the making, marketing and sales of hi-tech retail banking products as well as other distribution channels.

Outstanding outcomes

After one year of operation, BAOVIET Bank has introduced to the market a diversity of mainstream and present-day retail banking products which are warmly welcomed by clients. The major products include:

- Current Account
- Savings with term, call, flexible terms, and progressive interest rate
- Consumers’ loans with dozens of products to meet market needs
- Debit card BVLINK and prepaid card BVPurse
- Bancassurance
- E-banking

BAOVIET Bank has paid due attention to diversifying its retail banking products right from the beginning. Though joining the market just recently, the bank has quickly affirmed its posi-

tion and prestige in the national banking system, ranking fifth among the 30 Vietnamese banks surveyed in terms of the number of retail banking products. The bank has also concentrated on investing in technologies from the very initial stage, targeting to develop a network of contact channels and e-banking products. Such convenient applications as SMS banking and Internet Banking have been created right after the bank began operation in a bid of providing clients with information relating to their accounts and transactions. In its follow-up steps, the bank has increasingly perfected its technological system to help clients select and perform e-money transfer deals with supreme security. A financial switching & card management system has enabled BAOVIET Bank’s issuance of debit and credit cards as well as deployment of ATMs and POS in Hanoi and Ho Chi Minh City.

BAOVIET Bank chủ trương phát triển mạnh hoạt động Bancassurance; ngân hàng đã triển khai mạnh mẽ việc bán các sản phẩm bảo hiểm thông thường cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, đồng thời thiết kế các sản phẩm liên kết Bảo hiểm – Ngân hàng để tăng thêm tính đa dạng và hấp dẫn của những sản phẩm ngân hàng truyền thống. Trong năm 2009, trên cơ sở hợp tác với các đơn vị thuộc Tập đoàn Bảo Việt cả về bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, BAOVIET Bank đã triển khai các sản phẩm Bancassurance mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng như Tích Trường Phú, Tích Tài Lộc, Tín Tài Nghiệp, Tín An Gia, Tín Phát Lộc, Tín An Thịnh, Tín An Nghiệp. Phát triển hoạt động bancassurance là lợi thế của BAOVIET Bank, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu dịch vụ và hỗ trợ cho hoạt động ngân hàng truyền thống.

Tổng quan về các chỉ tiêu kinh doanh năm 2009, Khối Ngân hàng Bán lẻ đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra:

tion and prestige in the national banking system, ranking fifth among the 30 Vietnamese banks surveyed in terms of the number of retail banking products. The bank has also concentrated on investing in technologies from the very initial stage, targeting to develop a network of contact channels and e-banking products. Such convenient applications as SMS banking and Internet Banking have been created right after the bank began operation in a bid of providing clients with information relating to their accounts and transactions. In its follow-up steps, the bank has increasingly perfected its technological system to help clients select and perform e-money transfer deals with supreme security. A financial switching & card management system has enabled BAOVIET Bank’s issuance of debit and credit cards as well as deployment of ATMs and POS in Hanoi and Ho Chi Minh City.

BAOVIET Bank plans to develop Bancassurance strongly. As so, while still embarking on the sales of ordinary insurance products to corporate and individual clients, the bank has also designed bancassurance products to increase the diversity and attractiveness of mainstream banking products. In 2009, on the basis of cooperation with the Bao Viet Group’s units in both life and non-life insurance, BAOVIET Bank has introduced to the market a wide range of Bancassurance products which bring higher added values for its clients, such as Tích Trường Phú, Tích Tài Lộc, Tín Tài Nghiệp, Tín An Gia, Tín Phát Lộc, Tín An Thịnh, Tín An Nghiệp. Bancassurance is BAOVIET Bank’s advantage, which contributes to diversifying the bank’s products, increasing service revenues and supporting mainstream banking activities.

Reviewing its business targets set for 2009, the Retail Banking division achieved and even surpassed its set plan:

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Monetary unit: billion VND

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2009	Thực hiện đến 31/12/2009	Tỷ lệ hoàn thành
No	Items	Plan 2009	Implemented by Dec 31, 2009	Completion/pct
1	Huy động vốn Deposits by individuals	216	463	214%
2	Dư nợ Consumer loans	175	229	131%
3	Doanh thu bảo hiểm Insurance premium realized	2,5	1,4	56%
4	Tỉ lệ khách hàng tham gia bảo hiểm Percentage of policy holders/ Total retail clients		54%	



KINH DOANH TIỀN TỆ

Là một trong ba Khối kinh doanh trực tiếp tạo lợi nhuận cho Ngân hàng, mục tiêu xuyên suốt của Khối Kinh doanh Tiền tệ là tối ưu hóa khả năng sinh lời cho Ngân hàng với mức rủi ro cho phép trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thị trường trái phiếu và thị trường ngoại hối; xây dựng được bộ máy nhân sự có kinh nghiệm, chuyên nghiệp vì sự phát triển lâu dài của Ngân hàng.

Năm 2009, Khối Kinh doanh Tiền tệ đã tạo được vị thế và uy tín trên thị trường liên ngân hàng. Vào thời điểm khủng hoảng thanh khoản xảy ra trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, Khối Kinh doanh Tiền tệ vừa đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống vừa tận dụng được cơ hội kinh doanh vốn rất hiệu quả. BAOVIET Bank thực hiện đa dạng các hình thức kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng để tối ưu hóa lợi nhuận; phát triển các nghiệp vụ đầu tư, kinh doanh, repo trái phiếu đảm bảo mục tiêu quản trị thanh khoản cũng như tạo khả năng sinh lời cao nhất của danh mục. BAOVIET Bank là một trong số các NHTM đầu tiên là thành viên của thị trường giao dịch trái phiếu chuyên biệt. Là ngân hàng mới ra đời, Khối Kinh doanh Tiền tệ đã rất tích cực tham gia các nghiệp vụ thị trường tiền tệ với Ngân hàng Nhà nước đặc biệt là các giao dịch qua thị trường mở. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối cũng nhanh chóng được triển khai và phát triển, đáp ứng mọi nhu cầu ngoại tệ trên toàn hệ thống và tận dụng triệt để các cơ hội kinh doanh ngoại hối trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

TREASURY

As one of the three divisions involved directly in making profits for the bank, the Treasury division nurtures a thorough goal of optimizing profit-making possibilities for the bank with a certain amount of tolerable risk accepted in the inter-bank monetary market, stock market and foreign exchange market. It aims to build a contingent of experienced and professional staffers devoting to the bank's long-term development.

In 2009, the Treasury division built up its position and reputation in the inter-bank market. In a time when the inter-bank monetary market was hit by a liquidity crisis, the Treasury division capitalized on capital business opportunities effectively while still ensuring the liquidity for the bank's entire system. BAOVIET Bank is performing diverse business forms in the inter-bank market to optimize its profit-making capacity, develop activities on investment, business, and securities repos with the aim of undertaking liquidity management as well as maximizing profit-making capacity of each item. BAOVIET Bank is among a few commercial banks that have joined the specialized stock trading market. A component of the newly-established bank, the Treasury division has enthusiastically participated in the State Bank of Vietnam's monetary and marketing operations, especially open market operations. The division has also quickly put into service the foreign currency trading operations to meet all needs for foreign currencies by the entire system and at the same time fully tapped opportunities for foreign currency transactions in the inter-bank monetary market.



QUẢN TRỊ RỦI RO

BAOVIET Bank coi trọng vai trò của quản trị rủi ro, yếu tố bảo đảm cho sự phát triển bền vững của một ngân hàng thương mại –trước mắt cũng như lâu dài. Với yêu cầu đẩy mạnh phát triển kinh doanh đồng thời thực hiện tốt chức năng kiểm soát rủi ro, cùng với việc kiến tạo ngân hàng theo mô hình tổ chức tiên tiến, ngay từ đầu BAOVIET Bank đã xây dựng hệ thống các qui trình, qui định về chuyên môn và tác nghiệp đầy đủ cho sự vận hành của cả hệ thống. Cấu trúc quản lý rủi ro của BAOVIET Bank bao gồm Ủy ban QLRR, Ủy ban Tín dụng, Ủy ban ALCO thuộc HĐQT và Khối Quản lý rủi ro (dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc) với các chức năng Quản lý rủi ro Tín dụng, Rủi ro Tác nghiệp, Rủi ro Thị trường và Rủi ro Thanh khoản.

RISK MANAGEMENT

BAOVIET Bank has attached importance to risk management as it is an element ensuring a commercial bank's sustainable development in both short and long terms. To satisfy requirements for developing business, managing risks well, and concurrently structuring the bank toward a modern model, BAOVIET Bank has right from the beginning built a system of procedures and regulations dealing with professional skills and full operations for the entire system. BAOVIET Bank's risk management structure is comprised of the Risk Management Committee, the Credit Committee, the Asset-Liability Committee of the Board of Directors, and the Risk Management Division (under the instructions of the Chief Executive Official), and tasked to deal with credit, operational, market and liquidity risks.



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ cho sự phát triển của ngân hàng, BAOVIET Bank đã triển khai và hoàn thành hệ thống phần mềm ngân hàng lõi (core banking) trước khi đi vào hoạt động. Trong năm 2009, tiếp theo việc triển khai thành công hệ thống ngân hàng lõi T24 của Temenos - nhà cung cấp giải pháp ngân hàng hàng đầu thế giới - nhiều dự án công nghệ đã được BAOVIET Bank thực hiện với nhịp độ khẩn trương: hệ thống Chuyển mạch tài chính & Quản trị Thẻ (Financial Switching & CMS), hệ thống SMS Banking, Internet Banking. Hệ thống công nghệ (bao gồm hạ tầng công nghệ và các giải pháp) đã hỗ trợ tốt cho phát hành thẻ ghi nợ nội địa, thẻ trả trước và vận hành hệ thống máy ATM. BAOVIET Bank đã cho thấy nỗ lực vượt trội qua việc triển khai một số dịch vụ cơ bản trong đó có những dịch vụ chưa mang tính phổ biến như thanh toán, chuyển tiền qua SMS và Internet. Một số giải pháp công nghệ khác cũng đang tiếp tục được triển khai như: BPM & UCM (hệ Quản trị tiến trình xử lý nghiệp vụ & Quản trị nội dung), Data Warehouse (Kho dữ liệu), FTP (Phần mềm hỗ trợ Giá vốn điều chuyển), các dịch vụ nâng cao của Internet Banking và Mobile Banking.

INFORMATION TECHNOLOGY

Being aware of the importance of IT for a bank's development, BAOVIET Bank has deployed and completed a core banking system before starting its official operation. In 2009, after successfully installing the T24 core banking system provided by Temenos - the world's leading banking solution supplier, the bank has also carried out many IT projects speedily, including those on the Financial Switching & CMS system, the SMS Banking, and Internet Banking. The IT system (including technological infrastructure and solutions) has well supported the bank's issuance of debit and credit cards as well as the operation of its ATMs. BAOVIET has shown its outstanding efforts in carrying out a number of fundamental services, including uncommon ones such as SMS and Internet based payments and money transfer. The bank has also been deploying several IT, entailing BPM & UCM, data warehouse, FTP, and enhanced services of Internet banking and Mobile banking.

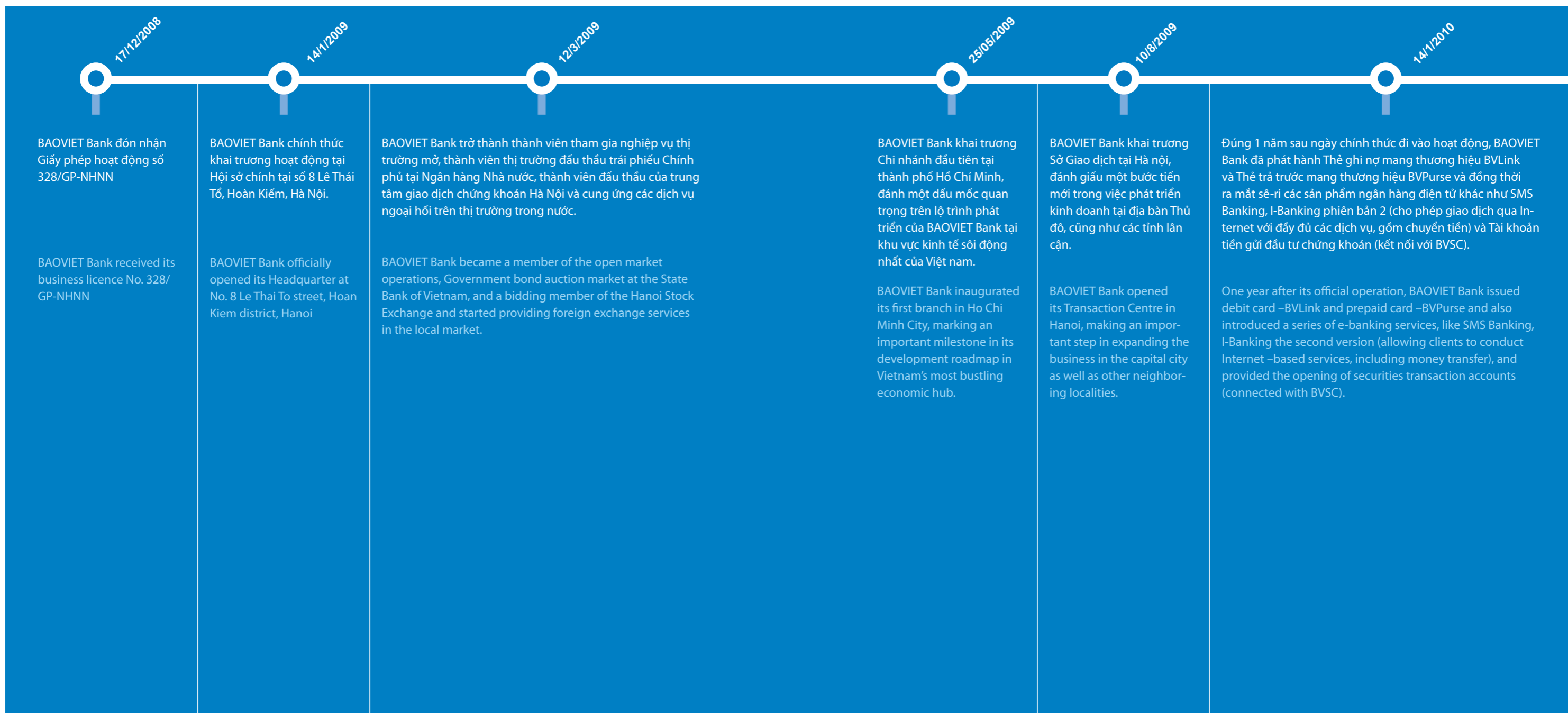


TÁC NGHIỆP TẬP TRUNG

Mô hình quản lý tập trung của BAOVIET Bank thể hiện rõ ở việc thực hiện các chức năng tác nghiệp tập trung cho cả hệ thống tại Hội sở chính bao gồm Tác nghiệp Thanh toán (trong nước và quốc tế), Tác nghiệp Tài trợ thương mại, Tác nghiệp Thẻ, Tác nghiệp Kinh doanh tiền tệ và Tác nghiệp tín dụng. Cùng với tác nghiệp tập trung cho các nghiệp vụ ngân hàng, BAOVIET Bank thực hiện quản lý tập trung và nhân sự - tiền lương, về kế toán, về công nghệ thông tin. Với việc quản lý tập trung cao tại Hội sở chính, các chi nhánh của BAOVIET Bank thực sự là những "điểm bán hàng", tập trung vào chức năng chính là phát triển kinh doanh. Quản lý tập trung và Tác nghiệp tập trung giúp cho mô hình của chi nhánh đơn giản, gọn nhẹ và điều này sẽ giúp ngân hàng nhanh chóng phát triển mạng lưới để nhanh chóng tăng trưởng qui mô hoạt động của một ngân hàng mới nhập cuộc.

CENTRALISED OPERATIONS

BAOVIET Banks' centralised management model is reflected clearly in the performance of centralised operations functions of the entire system in the bank's Headquarters, including payment operations (local and international), trade funding operations, card operations, monetary trading operations and credit operations. Alongside centralised operations of banking services, BAOVIET Bank has also implemented a centralised management over human resources, salary, accounting and IT. With the application of highly-centralised management in the Headquarters, BAOVIET Bank's branches are truly "sale counters", focusing primarily on their main designated function of business development. Centralised management and centralised operations enable branches to operate in a simple and light manner, therefore, the bank will quickly expand its network and operation scope.



BAOVIET Bank hiện đã có 19 chi nhánh và phòng giao dịch tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Nghệ An. Theo kế hoạch, đến cuối năm 2010, BAOVIET Bank sẽ có ít nhất 30 điểm giao dịch trong toàn quốc và sẽ xuất hiện tại các tỉnh/thành phố khác như Đắk Lắk, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đồng Nai, Khánh Hòa.

BAOVIET Bank currently has 19 branches and counters in Hanoi, Ho Chi Minh City, Hai Phong and Nghe An. As planned, by the end of this year, the bank will have at least 30 counters scattering nationwide, with its appearance in such cities and provinces as the central highlands province of Dak Lak, the Mekong delta city of Can Tho, the central city of Da Nang, Khanh Hoa and the southern province of Dong Nai.

TT No	Đơn vị Units	Địa chỉ Trụ sở Address	Điện thoại Telephone
1	Hội sở chính/Headquarter	8 Lê Thái Tổ	04-3928 8989
KHU VỰC HÀ NỘI/ HANOI			
2	BAOVIET Bank Sở Giao dịch	8 Lê Thái Tổ	04-3928 8989
3	BAOVIET Bank Hoàn Kiếm	7 Lý Thường Kiệt	04-3933 5706 04-3933 5707
4	BAOVIET Bank Bà Triệu	94 Bà Triệu	04-3944 8657 04-3944 8659
5	BAOVIET Bank Văn Miếu	71 Ngô Sĩ Liên	04-3732 6506 04-3732 6507
6	BAOVIET Bank Mỹ Đình	Khu Liên Cơ, đường Nguyễn Cơ Thạch, Từ Liêm	04-37633176
7	BAOVIET Bank Đào Tấn	14, Đào Tấn, Ba Đình	04-32115400
8	BAOVIET Bank Trung Hòa	Nhà số 3, Lô 4A, Khu DT mới Trung Yên, phường Trung Hòa, Cầu Giấy	04-3732 6506
KHU VỰC TP HCM/ HO CHI MINH CITY			
9	BAOVIET Bank Hồ Chí Minh	2 Lê Thánh Tôn, Q1	08-3824 5303
10	BAOVIET Bank Sài Gòn	1119 Trần Hưng Đạo, Q5	08-3924 6365
11	BAOVIET Bank Nguyễn Văn Cừ	146 Nguyễn Văn Cừ, Q1	08-3836 0660 08-3836 0661
12	BAOVIET Bank Bến Nghé	11 Nguyễn Công Trứ, Q1	08-3914 6400
13	BAOVIET Bank Cộng Hòa	94, Cộng hòa, Q Tân Bình	08-3948 2252 08-3948 2253
14	BAOVIET Bank Gia Định	49D Phan Đăng Lưu, Q.Bình Thạnh	08-3551 5234 08-3551 5244
15	BAOVIET Bank Quang Trung	388A Quang Trung, Q.Gò Vấp	08-3921 2324 08-3921 2325
16	BAOVIET Bank Phú Lâm	53 Đào Duy Anh, Q.Phú Nhuận	08-3817 0730
17	BAOVIET Bank Phú Mỹ Hưng	D1-07, Lô R19-1, Mỹ Toàn 3, P. Tân Phong, Q. 7	08-54104772
CÁC TỈNH THÀNH PHỐ KHÁC/ OTHER CITIES AND PROVINCES			
18	BAOVIET Bank Nghệ An	105, Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An	038 3550 669
19	BAOVIET Bank Hải Phòng	99 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	



Kính gửi:
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 12 năm 2008 (“Ngày thành lập”) đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng”) theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi được lập vào ngày 15 tháng 03 năm 2010 đã đưa ra ý kiến là các báo cáo tài chính mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt đã được lập, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo đã phù hợp và nhất quán với các báo cáo tài chính mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán độc lập tương ứng.

To:
Board of Directors and Board of Management of
Bao Viet Commercial Joint Stock Bank

We have audited the financial statements of Commercial Joint Stock Bank (“the Bank”) for the period from 11 December 2008 (“the date of establishment”) to 31 December 2009 in accordance with the Vietnamese and International Standards on Auditing applicable in Vietnam from which the accompanying balance sheet and income statement (“summarised financial statements”) were derived. In our audit report dated 15 March 2010, we expressed the opinion that the financial statements from which the summarised financial statements were derived give a true and fair view of the financial position of the Bank as at 31 December 2009 and of the results of its operations and its cash flows for the period from the date of establishment to 31 December 2009 in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and Accounting System for Credit Institutions and comply with other relevant regulations by the State Bank of Vietnam.

Opinion

In our opinion, the accompanying summarised financial statements are consistent with the financial statements from which the summarised financial statements were derived and on which we have expressed an unqualified audit opinion.

For a better understanding of the financial position of the Bank and the result of its operation for the year and of the scope of our audit, the summarized financial statements should be read in conjunction with the financial statements from which they were derived and our audit report thereon.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam/ Ernst & Young Vietnam Limited

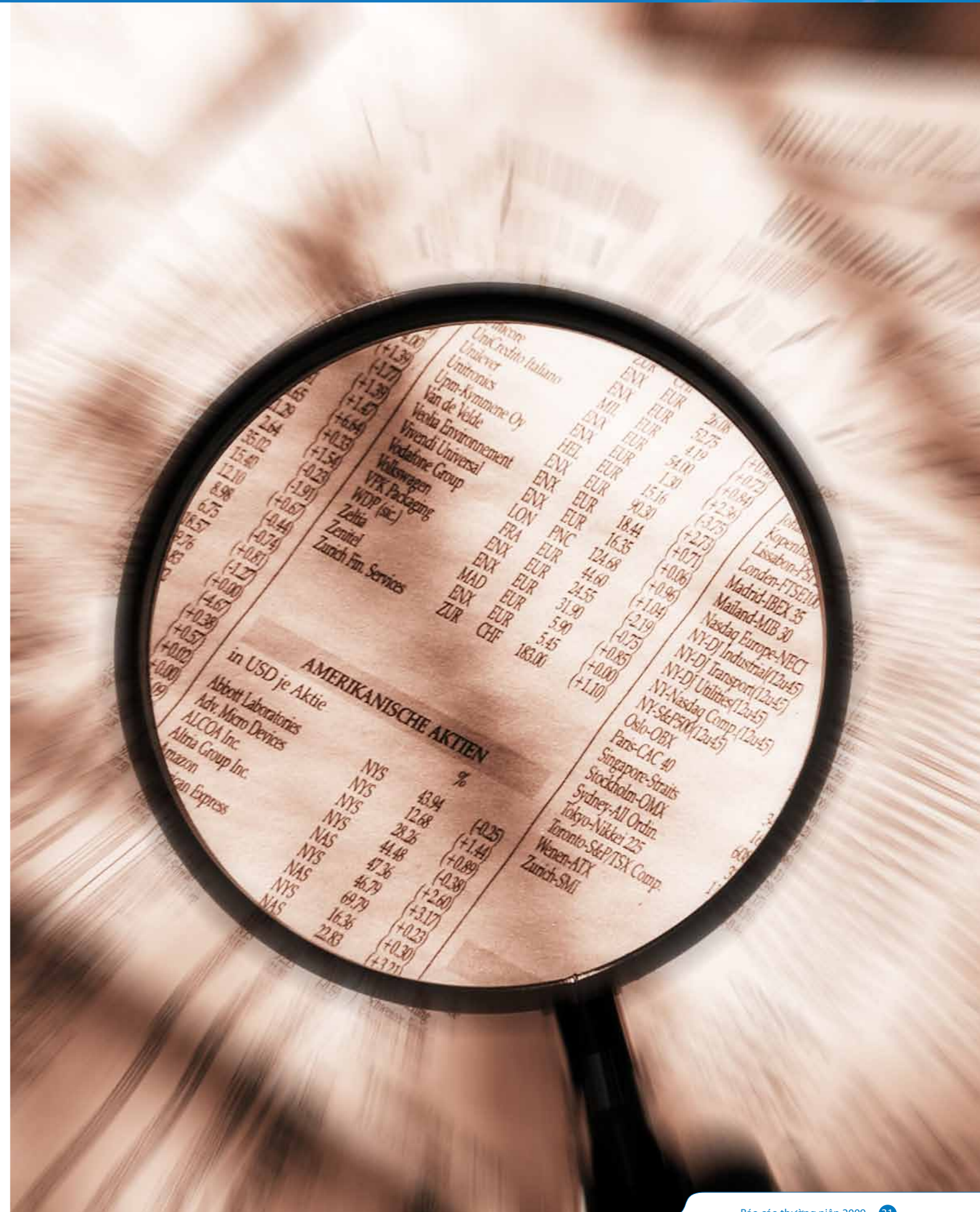
Trần Đình Cường

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc/ General Director
Kiểm toán viên công chứng/ Registered Auditor
Số đăng ký: 0135/KTV/ Certificate No. 0135/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Võ Xuân Minh

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách/ Auditor in-charge
Kiểm toán viên công chứng/ Registered Auditor
Số đăng ký: 0923/KTV/ Certificate No. 0923/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	31/12/2009 VND
TÀI SẢN	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	32.183.579.905
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	195.829.359.746
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	3.643.677.486.369
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	3.083.948.244.969
Cho vay các TCTD khác	562.576.960.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(2.847.718.600)
Chứng khoán kinh doanh	-
Chứng khoán kinh doanh	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-
Cho vay khách hàng	2.250.149.842.704
Cho vay khách hàng	2.255.568.630.293
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(5.418.787.589)
Chứng khoán đầu tư	949.066.441.037
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	949.066.441.037
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-
Đầu tư vào công ty con	-
Vốn góp liên doanh	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-
Đầu tư dài hạn khác	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-
Tài sản cố định	47.587.936.017
Tài sản cố định hữu hình	24.201.875.337
• Nguyên giá tài sản cố định	27.256.803.713
• Hao mòn tài sản cố định	(3.054.928.376)
Tài sản cố định thuê tài chính	-
• Nguyên giá tài sản cố định	-
• Hao mòn tài sản cố định	(3.054.928.376)
Tài sản cố định vô hình	23.386.060.680
• Nguyên giá tài sản cố định	28.868.042.468
• Hao mòn tài sản cố định	(5.481.981.788)
Bất động sản đầu tư	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-
Tài sản có khác	151.260.583.764
Các khoản phải thu	17.350.725.132
Các khoản lãi, phí phải thu	124.729.171.908
Tài sản có khác	9.180.686.724
• Trong đó: Lợi thế thương mại	-
• Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-

TỔNG TÀI SẢN

7.269.755.229.542

BALANCE SHEET as at 31 December 2009

	Notes	31/12/2009 VND
ASSET		
Cash and cash equivalents	3	32.183.579.905
Balances with State Bank of Vietnam ("SBV")	4	195.829.359.746
Due from banks	5	3.643.677.486.369
Placements with other banks	5.1	3.083.948.244.969
Loans and advances	5.2	562.576.960.000
Provision for loans to other banks (*)		(2.847.718.600)
Trading securities		-
Trading securities		-
Provision for impairment (*)		-
Derivatives and other financial assets		-
Loans and advances to customers		2.250.149.842.704
Loans and advances to customers	6	2,255,568,630,293
Provision for credit losses (*)	7	(5.418.787.589)
Investment securities	8	949.066.441.037
Available-for-sale securities	8	949.066.441.037
Held-to-maturity securities		-
Provision for investment securities (*)		-
Long-term investments		-
Investments in joint ventures		-
Investments in associates		-
Other long-term investments		-
Provision for long-term investments (*)		-
Investments in joint ventures		-
Fixed assets	9	47.587.936.017
Property and equipment	9	24.201.875.337
• Cost		27.256.803.713
• Accumulated depreciation		(3.054.928.376)
Financial lease		-
• Cost		-
• Accumulated depreciation		-
Intangible assets and land use rights	9	23.386.060.680
• Cost		28.868.042.468
• Accumulated amortization		(5.481.981.788)
Investment properties		-
Cost		-
Accumulated depreciation		-
Other assets	10	151.260.583.764
Account receivables		17.350.725.132
Accrued interest income		124.729.171.908
Deferred tax assets	15	9.180.686.724
• Of which: Good will	10	-
• Provision for impairment of other assets	15	-

TOTAL ASSETS

7.269.755.229.542

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	31/12/2009 VND
NỢ PHẢI TRẢ	5.706.647.217.040
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	420.798.732.663
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.709.021.432.606
• Tiền gửi của các TCTD khác	1.709.021.432.606
• Vay các TCTD khác	-
Tiền gửi của khách hàng	3.514.340.257.846
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-
Phát hành giấy tờ có giá	-
Các khoản nợ khác	62.486.793.925
• Các khoản lãi, phí phải trả	38.934.842.065
• Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-
• Các khoản phải trả và công nợ khác	23.021.228.948
• Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	530.722.912
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	5.706.647.217.040
VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Vốn và các quỹ	1.563.108.012.502
• Vốn của TCTD	1.500.000.000.000
• Vốn điều lệ	1.500.000.000.000
• Vốn đầu tư XD CB	-
• Thặng dư vốn cổ phần	-
• Cổ phiếu quỹ	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-
• Vốn khác	-
• Quỹ của TCTD	9.150.661.813
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-
Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	53.957.350.689
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	7.269.755.229.542

BALANCE SHEET as at 31 December 2009 (continued)

	Notes	31/12/2009 VND
LIABILITIES		
Borrowings from the Government and SBV	11	420.798.732.663
Due to banks	12	1.709.021.432.606
• Deposits from other banks	12.1	1.709.021.432.606
• Borrowings from other banks	12.2	-
Due to customers	13	3.514.340.257.846
Derivatives and other financial liabilities		-
Other borrowed funds		-
Valuable papers issued		-
Other liabilities		62.486.793.925
• Accrued interest expense	14	38.934.842.065
• Deferred tax payables	15	-
• Other payables	14	23.021.228.948
• Provision for contingent liabilities and commitments	7	530.722.912
TOTAL LIABILITIES		5.706.647.217.040
OWNER'S EQUITY		
Capital and reserves		1.563.108.012.502
• Capital		1.500.000.000.000
• Chartered capital		1.500.000.000.000
• Capital to purchase fixed assets		-
• Capital surplus		-
• Treasury shares		-
• Preferential shares		-
• Other capitals		-
• Reserves	16	9,150,661,813
Foreign currency translation reserve		-
Asset revaluation reserve		-
Retained earnings / Accumulated losses		53.957.350.689
MINORITY INTEREST		-
TOTAL LIABILITIES, OWNER'S EQUITY AND MINORITY INTEREST		7.269.755.229.542

ảnh demo

	31/12/2009 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	174.676.381.180
Bảo lãnh vay vốn	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	158.727.549.353
Bảo lãnh khác	15.948.831.827
Các cam kết đưa ra	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-
Cam kết khác	-

OFF BALANCE SHEET ITEMS

	Notes	31/12/2009 VNĐ
Contingencies	29	174.676.381.180
Credit guarantees	-	-
Letters of credit	-	158.727.549.353
Other guarantees	-	15.948.831.827
Commitments	-	-
Commitments to customers	-	-
Other commitments	-	-



Phê duyệt bởi/ Approved by:

Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc/ General Director

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Vũ Thục Quyên
Kế toán trưởng/ Chief Accountant



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2009 VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	351.806.966.712
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(188.107.295.381)
THU NHẬP LÃI THUẦN	163.699.671.331
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.789.620.472
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.292.449.919)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.497.170.553
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	114.949.978
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(29.487.706)
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-
Thu nhập từ hoạt động khác	71.662.046
Chi phí hoạt động khác	(32.372.198)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	39.289.848
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	165.321.594.004
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(80.029.804.294)
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	(32.968.069.187)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(8.536.910.164)
Chi phí hoạt động khác	(38.524.824.943)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	85.291.789.710
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(8.797.229.101)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	76.494.560.609
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(13.386.548.107)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
Chi phí thuế TNDN	(13.386.548.107)
Lợi nhuận sau thuế	63.108.012.502
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	421

Phê duyệt bởi/ Approved by:



Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc/ General Director

Vũ Thục Quyên
Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2010

INCOME STATEMENT for the period from the date of establishment to 31 December 2009

	Notes	For the period from the date of establishment to 31/12/2009 VND
Interest and similar income	19	351.806.966.712
Interest and similar expenses	20	(188.107.295.381)
Net interest income		163.699.671.331
Fees and commission income	21	2.789.620.472
Fees and commission expenses	21	(1.292.449.919)
Net fees and commission income	21	1.497.170.553
Net gain/loss from dealing in foreign currencies	22	114.949.978
Net gain/loss from securities trading	23	(29.487.706)
Net gain/loss from securities investment		-
Other operating income		71.662.046
Other operating expense		(32.372.198)
Net other operating income	24	39.289.848
Net gain/loss from investments in joint ventures, associates and others		-
TOTAL OPERATING INCOME		165.321.594.004
OPERATING EXPENSES	25	(80.029.804.294)
Personnel expenses		(32.968.069.187)
Depreciation and amortization charges		(8.536.910.164)
Other operating expenses		(38.524.824.943)
Profit before provision for credit losses		85.291.789.710
Provision for credit losses	7	(8.797.229.101)
PROFIT BEFORE TAX		76.494.560.609
Current enterprise income tax	15	(13.386.548.107)
Deferred enterprise income tax		-
Enterprise income tax ("EIT")		(13.386.548.107)
Profit after tax		63.108.012.502
Minority interest		-
Earning per share	17	421

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2009
VNĐ

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	233.786.155.069
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(155.880.813.581)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.497.170.553
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	85.462.272
Thu nhập khác	39.289.848
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(63.833.820.492)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động 15.693.443.669

Những thay đổi về tài sản hoạt động

(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(1.842.576.960.000)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(949.066.441.037)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(2.395.568.630.293)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	-
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(26.531.411.856)

Những thay đổi về công nợ hoạt động

Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	420.798.732.663
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	1.709.021.432.606
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	3.514.340.257.846
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	-
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	1.975.607.203
Chi từ các quỹ của TCTD	-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 448.086.030.801

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Mua sắm tài sản cố định	(56.124.846.181)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-
Mua sắm bất động sản đầu tư	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (56.124.846.181)

CASH FLOW STATEMENT for the period from the date of establishment to 31 December 2009

Giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2009
VNĐ

OPERATING ACTIVITIES

Interest and similar income	233.786.155.069
Interest and similar expense	(155.880.813.581)
Fees and commission income	1.497.170.553
Net gain/loss from foreign currencies, gold and securities trading từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	85.462.272
Other operating income	39.289.848
Recovery from written-off bad debts	-
Payment to employees	(63.833.820.492)
Enterprise income tax paid in the year	-

Net cash flows from operating profit before changes in operating assets and liabilities 15.693.443.669

Changes in operating assets

(Increase)/decrease in due from banks	(1.842.576.960.000)
(Increase)/decrease in trading securities	(949.066.441.037)
(Increase)/decrease in derivatives and other financial assets	-
(Increase)/decrease in loans and advances to customers	(2.395.568.630.293)
Decrease in provision for loan losses and provision for impairment of investment securities & long-term investments	-
((Increase)/decrease in other assets	(26.531.411.856)

Changes in operating liabilities

Increase/(decrease) in borrowings from the Government and SBV	420.798.732.663
Increase/(decrease) in due to banks	1.709.021.432.606
Increase/(decrease) in due to customers (including State Treasury)	3.514.340.257.846
Increase/(decrease) in debts issued	-
Increase/(decrease) in other borrowed funds	-
Increase/(decrease) in derivatives and other financial liabilities	-
Increase/(decrease) in other liabilities	1.975.607.203
Reserves utilization in the year	-

Net cash flows from operating activities 448.086.030.801

INVESTING ACTIVITIES

Purchase of fixed assets	(56.124.846.181)
Proceeds from sale of fixed assets	-
Disbursements for sale of fixed assets	-
Purchase of investment property	-
Proceeds from sale of investment property	-
Disbursements for sale of investment property	-
Additional investments in joint ventures, associates and others	-
Receipts from investment in joint ventures, associates and others	-
Dividend receipts from long-term investments in the year	-

Net cash flows from investing activities (56.124.846.181)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2009
VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tăng vốn điều lệ	1.500.000.000.000
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.500.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.891.961.184.620
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	-
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ **1.891.961.184.620**

CASH FLOW STATEMENT for the period from the date of establishment to 31 December 2009

Notes For the period from the date of establishment to 31/12/2009

FINANCING ACTIVITY

Increase in chartered capital	1.500.000.000.000
Proceeds from subordinated debts to increase tier 2 capital	-
Repayment of subordinated debts to reduce tier 2 capital	-
Dividends payment to shareholders	-
Purchase of treasury shares	-
Proceeds from sale of treasury shares	-
Net cash flows from financing activities	1.500.000.000.000
Net (decrease)/increase in cash and cash equivalents	1.891.961.184.620
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	-
Foreign exchange difference	-

CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE END OF THE YEAR 26 **1.891.961.184.620**

Phê duyệt bởi/ Approved by:

Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc/ General Director

Vũ Thục Quyên
Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2010

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

as at 31 December 2009 and for the period from the date of establishment to 31 December 2009

GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

THÀNH LẬP & HOẠT ĐỘNG Ngân hàng là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Quyết định số 328/GP - NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”).

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

VỐN ĐIỀU LỆ Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.500.000.000.000 VNĐ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Các thành viên Hội đồng Quản trị cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Chủ tịch
Ông Trương Mộc Lâm	Phó chủ tịch
Ông Lê Trung Hưng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Diệm	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Ủy viên
Ông Dương Đức Chuyển	Ủy viên
Ông Tôn Quốc Bình	Ủy viên

BAN ĐIỀU HÀNH Các thành viên Ban Điều hành cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Đào Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Nhuận	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro
Ông Tôn Quốc Bình	Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
Ông Võ Văn Cường	Giám đốc Khối Tác nghiệp
Ông Trần Xuân Quảng	Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng bán lẻ
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Giám đốc Sở Giao dịch
Ông Trương Văn Huỳnh	Giám đốc Chi nhánh TP HCM
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ
Bà Vũ Thục Quyên	Kế toán trưởng

TRỤ SỞ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt có trụ sở chính đặt tại số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và một (1) Sở giao dịch tại Hà Nội.

NHÂN VIÊN Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 245 người.

CORPORATE INFORMATION

Bao Viet Commercial Joint Stock Bank (herein referred to as “the Bank”) is a joint-stock commercial bank incorporated and registered in the Socialist Republic of Vietnam.

ESTABLISHMENT AND OPERATIONS The Bank is a joint-stock commercial bank which was initially established on 11 December 2008 in accordance with Decision No 328/GP - NHNN by the State Bank of Vietnam (“SBV”).

The Bank has been established to provide banking services including receiving short, medium and long-term deposits from organizations and individuals; making short, medium and long-term loans and advances to organizations and individuals based on the nature and capability of the bank’s sources of capital; also including foreign exchange transactions, international trade financial services, discount of commercial papers, bonds and other valuable papers, and providing other banking services allowed by the State Bank of Vietnam.

CHARTERED CAPITAL The chartered capital of the Bank as at 31 December 2009 was VND 1,500,000,000,000.

BOARD OF DIRECTORS The members of the Board of Directors from the the date of establishment to 31 December 2009 and at the date of this report are as follows:

Ms Nguyen Thi Phuc Lam	Chairman
Mr Trương Mộc Lâm	Vice - Chairman
Mr Lê Trung Hưng	Vice - Chairman
Mr Nguyen Dang Diem	Member
Ms Ngo Thi Thu Trang	Member
Mr Duong Duc Chuyen	Member
Mr Ton Quoc Binh	Member

BOARD OF MANAGEMENT The members of the Board of Management for the period from the date of establishment to 31 December 2009 and at the date of this report are as follows:

Mr Phan Dao Vu	Chief Executive Officer
Mr Vu Duc Nhuận	Chief Risk Officer
Mr Ton Quoc Binh	Chief Information Officer
Mr Vo Van Cuong	Chief Operations Officer
Mr Tran Xuan Quang	Chief Corporate Banking Officer
Ms Nguyen Thi Nguyet Thu	Chief Treasury Officer
Mr Nguyen Hong Tuan	Operation Center Director
Mr Trương Văn Huỳnh	Ho Chi Minh Branch Director
Ms Vu Thuc Quyên	Chief Accountant

HEAD OFFICE The Head Office of Bao Viet Commercial Joint Stock Bank is located at 08 Le Thai To, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam. As at 31 December 2009, the Bank has one (1) Head Office, one (1) branch in Ho Chi Minh City, and one (1) Operation Center in Hanoi.

EMPLOYEES Total employees of the Bank as at 31 December 2009 were 245 people.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên của Ngân hàng bắt đầu từ ngày

SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

2.1 Statement of compliance with Vietnamese Accounting Standards and System for Credit Institutions

The Board of Management confirms that the accompanying financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards and System for Credit Institutions.

2.2 Basis of presentation

The financial statements of the Bank, which are expressed in Vietnamese Dong (“VND”), are prepared in accordance with Accounting System for Credit Institutions required under Decision No. 479/2004/QĐ-NHNN issued on 29 April 2004 by the Governor of the State Bank of Vietnam which was enacted from 1 January 2005 and decisions on the amendment, supplement of the Decision No. 479/2004/QĐ-NHNN; Decision No. 16/2007/QĐ-NHNN issued on 18 April 2007 by the Governor of the State Bank of Vietnam; Vietnamese Accounting Standards and related regulations issued by the Ministry of Finance as:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Standards on Accounting (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Standards on Accounting (Series 5).

The accompanying financial statements have been prepared using accounting principles, procedures and reporting practices generally accepted in Vietnam. Accordingly, the accompanying balance sheet, income statement, cash flow statement and notes to the financial statements and their utilization are not designed for those who are not informed about the Vietnam’s accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present its financial position, financial performance and its cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.3 Fiscal year

thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các năm tài chính tiếp theo của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN và các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ

The bank’s first fiscal year starts on the date of establishment and ends on 31 December 2009. The following fiscal years start on 1 January and end on 31 December.

2.4. Loans and advances to customers

Loans and advances to customers are presented at the principal amounts outstanding at the end of financial year.

2.5 Provision for credit losses

Loans and advances to customers are classified and provided for in accordance with the Law on Credit Institutions effective from 1 October 1998; Law on Amendment and Supplementation to a number of articles of the Law on Credit Institutions effective from 1 October 2004; Decision 1627/2001/QĐ-NHNN dated 31 December 2001 by the Governor of the State Bank of Vietnam on lending statutory; Decision 127/2005/QĐ-NHNN dated 3 February 2005 amending and supplementing Decision 1627/2001/QĐ-NHNN; Decision 493/2005/QĐ-NHNN dated 22 April 2005 and Decision 18/2007/QĐ-NHNN dated 25 April 2007 by the State Bank of Vietnam on loan classification and provision. Accordingly, loans are classified into Current, Special Mention, Substandard, Doubtful and Loss on the basis of payment arrears status and other qualitative factors.

Net loans and advances exposure for each borrower is calculated by subtracting from the loan balance the discounted value of collateral. Decision 493/2005/QĐ-NHNN and Decision 18/2007/QĐ-NHNN stipulated specific discount rates for certain accepted collaterals.

Specific provision is created on the net loans and advances exposure of each borrower using a fixed provision rates as follows:

Group	Name	Specific provision rate
1	Current	0%
2	Special Mention	5%
3	Substandard	20%
4	Doubtful	50%
5	Loss	100%

Loans in Substandard, Doubtful or Loss group are considered as non-performing loans.

In accordance with Decision 493/2005/QĐ-NHNN, a general provision is made for credit losses which are yet to be identified during the loan classification and provision process and for the Bank’s potential financial difficulties due to deterioration in loan quality. As such, the Bank is required to fully create and maintain a general provision at 0.75% of total loans and advances to customers; guarantees; irrevocable lending commitments and acceptance for payment which are

nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

2.7 Chứng khoán đầu tư

2.7.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Các chứng khoán này sẽ không được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn hoặc chuyển sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

2.7.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại

classified from groups 1 to 4 within 5 years commencing from May 2005.

The provisions are recorded in the income statement as an expense and will be used to write off any credit losses incurred. According to Decision 493/2005/QĐ-NHNN, at the discretion of the Bank's Bad Debt Resolution Committee, the Bank can write off the loans that are classified in Group 5 and of which the borrower are bankrupted or liquidated (for corporate) or are deceased or missing (for individuals).

2.6 Trading securities

Trading securities are defined as debt securities or equity securities, and other kinds of securities that the Bank fully purchased and intended to sell in short-term in order to gain profit from price difference. Trading securities are initially recognized at cost at transaction date. They are subject to review for impairment as at the balance sheet date. Provision for impairment of trading securities is made when book value is higher than market value and is recognized as "Net gain/loss from securities trading" in the income statement.

2.7 Investments in securities

2.7.1 Securities - held-to-maturity

Held-to-maturity investments securities are debt securities that the Bank fully purchased and intended to hold to maturity in order to gain interest. Held-to-maturity securities have fixed or determinable payment and fixed maturities. These should neither be sold before maturity nor transferred to trading or available-for-sale securities. Held-to-maturity investment securities are initially recognized at cost at the value date, any discount or surplus in the difference between par value and the cost comprising par value plus accrued interest income (for debt securities with interest payment in arrears) or minus accrued interest income (for debt securities with interest payment in advance) and is amortized on income statements using straight-line method over the remaining time to the maturity of the securities. Interest income is accrued using straight-line method over the remaining time to maturity of the securities.

Held-to-maturity securities are subject to review for impairment. If there is objective evidence that a long-term impairment loss has been incurred, the amount of loss is presented in the income statement as "Net gain/loss from securities investment".

2.7.2 Securities - available-for-sale

Available-for-sale investments include debt and equity securities that the Bank has intention to hold for investment and that are ready for trading. These securities are not frequently

traded but could be sold at any time once they are profitable, and the Bank is neither founding shareholder nor strategic partner, or capable of controlling, to some extent, process of drawing deciding financial and operational policies of enterprises by a written agreement on delegating personnel to take part in Board of Directors. Equity available-for-sale securities are recognized at cost. Debt available-for-sale securities are recognized at par value as at transaction date, any discount or surplus in the difference between par value and the cost comprising par value plus accrued interest income (for debt securities with interest payment in arrears) or minus accrued interest income (for debt securities with interest payment in advance) and is amortized on income statements using straight-line method over the remaining time to the maturity of the securities. Interest income is accrued using straight-line method over the remaining time to maturity of the securities.

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

2.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực

traded but could be sold at any time once they are profitable, and the Bank is neither founding shareholder nor strategic partner, or capable of controlling, to some extent, process of drawing deciding financial and operational policies of enterprises by a written agreement on delegating personnel to take part in Board of Directors. Equity available-for-sale securities are recognized at cost. Debt available-for-sale securities are recognized at par value as at transaction date, any discount or surplus in the difference between par value and the cost comprising par value plus accrued interest income (for debt securities with interest payment in arrears) or minus accrued interest income (for debt securities with interest payment in advance) and is amortized on income statements using straight-line method over the remaining time to the maturity of the securities. Interest income is accrued using straight-line method over the remaining time to maturity of the securities.

Available-for-sale investments are subject to review for impairment. When the investment's market value is less than their book value, impairment should be incurred; the amount of loss is presented in the income statement as "Net Gain/loss from securities investment".

2.8 Repurchase and reverse repurchase agreements

Securities sold under agreements to repurchase at a specific date in the future ("repos") are not derecognized from the balance sheet. The corresponding cash received is recognized in the balance sheet as a liability item, reflecting its economic substance as a loan from the Bank. The difference between the sale price and repurchase price is treated as interest expense and is accrued over the life of the agreement using the contractual interest rate.

Conversely, securities purchased under agreements to



của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

2.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính

resell at a specific date in the future ("reverse repos") are not recognized in the balance sheet. The corresponding cash paid is recognized in the balance sheet as an asset item. The difference between the purchase price and resale price is treated as interest income and is accrued over the life of the agreement using the contractual interest rate.

2.9 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises of its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated amortisation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

2.10 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a fixed asset comprises its purchase price plus any directly attributable costs of bringing the asset to working condition for its intended use.

Cost related to additions, improvements and renewals are capitalized while expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement. When assets are

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8-50 năm
Máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

2.12 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập.

2.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại

sold or liquidated, their cost and accumulated depreciation are deducted from the balance sheet item and any gains or losses resulting from their disposal are recorded to the income statement.

2.11 Depreciation and amortization

Depreciation and amortization of tangible fixed assets and intangible assets is calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of the assets, which are as follows:

Buildings and building improvements	8-50 years
Computers	4 years
Motor vehicles	6 - 8 years
Other tangible fixed assets	4 years
Office equipment	4 - 6 years
Land use rights (*)	based on lease term
Computer software	5 years
Other intangible fixed assets	4 years

(*): The cost of the land use rights is not amortized if it is granted by the Government of Vietnam and has indefinite term. The cost of land use rights with definite term is amortized over the lease term.

2.12 Recognition of income and expense

Interest income and expense are recognized in the income statement on accrual basis using nominal interest rate. The recognition of accrued interest income is suspended when a loan is classified from group 2 to 5 according to Decision 493/2005/QĐ-NHNN and Decision 18/2007/QĐ-NHNN. Suspended interest income is recorded off-balance sheet and recognized in income statement upon actual receipt.

Fees and commissions are recognized when incurred.

Dividend income on equity investment is recognized in the income statement when the Bank's right to receive the payment is established.

2.13 Foreign currency transactions

The Bank maintains its accounting system and records all transactions in original currencies and translates into VND at the end of each business day. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at year-end are translated into VND using exchange rates ruling at the balance sheet date. Income and expenses arising in foreign currencies during the year are converted into VND at rates ruling at the transaction dates. Unrealized foreign exchange differences arising from the translation of monetary assets and liabilities at the balance sheet date are recognized in the income statement.



tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại

2.14 Enterprise income taxes

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be paid to (or recovered from) the taxation authorities. The tax rates and tax laws are applied and enacted at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the balance sheet liability method on temporary differences between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purpose at the balance sheet date.

Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, except:

- Where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- In respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which these deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except:

- Where the deferred tax arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- In respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

Deferred tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity,

thời điểm phát sinh giao dịch.

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

2.15 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

2.16 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.17 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín

in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

2.15 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents as referred to in the cash flow statement comprises cash, gold, jewellery, gemstones, current accounts with SBV, Government bills and other short-term valuable papers eligible for rediscount with the SBV and amounts due from banks on demand or with a maturity of less than three months from the date of deposits and investments in securities with a maturity of less than three months from the date of acquisition.

2.16 Fiduciary assets

Assets held in a fiduciary capacity are not reported in the financial statements as they are not assets of the Bank.

2.17 Provision for off-balance-sheet commitments

According to Article 6 and 7 of Decision 493/2005/QĐ-NHNN and Decision 18/2007/QĐ-NHNN by SBV, credit institutions must classify and make provision for guarantees, payment acceptances, and non-cancelable loan commitments with specific effective date (generally called off-balance-sheet commitments) into groups, namely Current, Special Mention, Substandard, Doubtful and Loss based on the overdue status and other qualitative factors.

Specific and general provision for off-balance-sheet commitments is calculated similarly to the provision for loans and advances to customers as described in Note 2.5. Provision expense is recorded as "Provision expense for credit loss" on the income statement and provision balance is recorded in other liabilities in the balance sheet.



dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại thuyết minh số 2.5. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

2.18 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.19 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.20 Lợi ích của nhân viên

2.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

2.20.2 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng mức bằng 1%

2.18 Offsetting

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset financial assets against financial liabilities or vice-versa, and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the asset and settle the liability simultaneously.

2.19 Use of estimates

The preparation of the financial statements requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amount of assets and liabilities and disclosure of contingent liabilities. These estimates and assumptions also affect the income and expenses and the resultant provisions. Such estimates are necessarily based on assumptions involving varying degrees of subjectivity and uncertainty and actual results may differ resulting in future changes in such provision.

2.20 Employee benefits

2.20.1 Post employment benefits

Post employment benefits are paid to retired employees of the Bank by the Social Insurance Agency which belongs to the Ministry of Labor and Social Affairs. The Bank is required to contribute to these post employment benefits by paying social insurance premium to the Social Insurance Agency at the rate of 15.00% of an employee's basic salary on a monthly basis. The Bank has no further obligation to fund the post employment benefits of its employees, other than the liability to pay Social Insurance Agency on a monthly basis.

The Bank's employees who are subject to early retirement due to restructuring are entitled to one month of basic salary for every 12 months of employment and half month of basic salary for each month of early retirement (maximum 30 months). Early retirement allowance is debited to termination allowance. Additionally, the Bank also pays 3 months of salary to these employees from its salary expense.

2.20.2 Unemployment allowance

In accordance with Circular 04/2009/TT-BLĐTBXH providing guidance for implementation of the Decree 127/2008/NĐ-CP dated 12 December 2008 on Unemployment Insurance, as from 1 January 2009, the Bank has obligation to contribute to the Unemployment Insurance Fund with an amount equal to 1% of their employees' salary. Moreover, the Bank has to withhold the same amount from their employees' salary to contribute to the fund.

2.21. Earning per shares

Earning per shares is calculated by net profit distributed to shareholders of the Bank divided by weighted average

quy tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

2.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

2.23 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d);

number of outstanding ordinary shares in the year.

2.22. Contingent liabilities and commitments

In the normal course of business, the Bank is a party to financial instruments which are recorded as off-balance sheet items. These financial instruments mainly comprise financial guarantees and commercial letters of credit. These instruments involve elements of credit risk in excess of the amounts recognized in the balance sheet.

The Bank requires margin deposits to support credit-related financial instruments when it is deemed necessary. The margin deposit required varies from nil to 100% of the value of a commitment granted, depending on the creditworthiness of clients as assessed by the Bank.

2.23. Related party transactions

Related party transactions include all transactions undertaken with other entities to which the Bank is related. Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. A party is deemed a related party to the Bank if:

(a) Directly, or indirectly through one or more intermediaries, the party:

- Controls, is controlled by, or is under common control with, the Bank (this includes parents and subsidiaries);
- Has an interest in the Bank that gives it significant influence over the Bank;
- Has joint control over the Bank;

(b) The party is a joint venture, associate in which the Bank is a venturer, associate;

(c) The party is a member of the key management personnel of the Bank or its parent;

(d) The party is a close member of the family of any individual referred to in (a) or (c);

(e) The party is an Bank that is controlled, jointly controlled or significantly influenced by, or for which significant voting power in such Bank resides with, directly or indirectly, any individual referred to in (c) or (d),



BAO VIET Bank

Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (04) 3928 8989, Fax: (04) 3928 8899

www.baovietbank.vn